TCVN **T I Ê U C H U Ẩ N Q U Ố C G I A**

TCVN 3594 : 1981

MÁY PHAY GỖ –
THÔNG SỐ VÀ KÍCH THƯỚC CƠ BẢN

Shapers - Basic parameters and dimensions

HÀ NỘI - 2008

Lời nói đầu

TCVN 3594 : 1981 do Viện máy công cụ và dụng cụ - Bộ cơ khí và luyện kim, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trình duyệt, Uỷ ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước (nay là Bộ khoa học và Công nghệ) ban hành;

Tiêu chuẩn này được chuyển đổi năm 2008 từ Tiêu chuẩn Việt Nam cùng số hiệu thành Tiêu chuẩn Quốc gia theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Máy phay gỗ - Thông số và kích thước cơ bản

Shapers - Basic parameters and dimensions

1 Tiêu chuẩn này áp dụng cho máy phay gỗ thông dụng có một trục chính ở dưới.

2 Thông số và kích thước cơ bản của máy phải theo chỉ dẫn trong Bảng 1.

Bảng 1

Kích thước tính bằng milimét

Tên thông số	Trị số		
Chiều dày lớn nhất của vật gia công	80	100	125
Chiều dài của bàn máy	800 ; 1000	1000 ; 1250	1250
Chiều rộng của bàn máy	630 ; 800	800 ; 1000	1000
Côn Mooc trong của trục chính theo TCVN 136 : 1970	3	4	5
Số vòng quay của trục chính vg/ph: lớn nhất, không nhỏ hơn nhỏ nhất, không lớn hơn	12000	9000 3000	8000
Tốc độ cấp phôi bằng cơ khí lớn nhất, m/ph, không nhỏ hơn	20		
Khoảng dời chỗ thẳng đứng của trục chính hoặc bàn máy không nhỏ hơn	100		

3 Theo yêu cầu của bên đặt hàng, ở những máy có chiều dày lớn nhất của vật gia công 100 mm và 125 mm phải định trước sự đảo chiều của trục chính.